

## QUỐC HIỆU VÀ KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT TRONG MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN - DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI

(tiếp theo)

ThS. ĐÀO THỊ HẠNH  
Tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam  
TRẦN THỊ MINH  
Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

Năm 1005, Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi vua. Cuối năm 1009, Lê Long Đĩnh qua đời. Triều thần chán ghét nhà Tiền Lê, vì vậy các tăng sư và đại thần, đứng đầu là sư Vạn Hạnh, Đào Cam Mộc, tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý thành lập.

Sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn nhận thấy địa thế vùng đất Hoa Lư trũng thấp, chật hẹp, không thích hợp cho việc đóng đô lâu dài, vùng đất Hoa Lư chỉ thích hợp cho đóng đô vào lúc thời chiến và khi thế

lực quốc gia còn yếu. Tuy nhiên, khi đất nước đã thái bình, yêu cầu đặt ra là phải lựa chọn một nơi có địa thế thích hợp nhất để làm căn cứ đóng đô, ổn định về kinh trị làm cơ sở để phát triển kinh tế, đưa đất nước đi lên. Chính vì vậy, năm 1010 Lý Công Uẩn quyết định rời đô, và nơi có thể rời đô đến là Đại La thành (tức Kinh thành Thăng Long). Trong Chiếu dời đô Lý Công Uẩn truyền rằng: *Ngày xưa, nhà Thương đến đời Bàn Canh năm lần rời đô, nhà Chu đến Thành Vương ba lần dời*



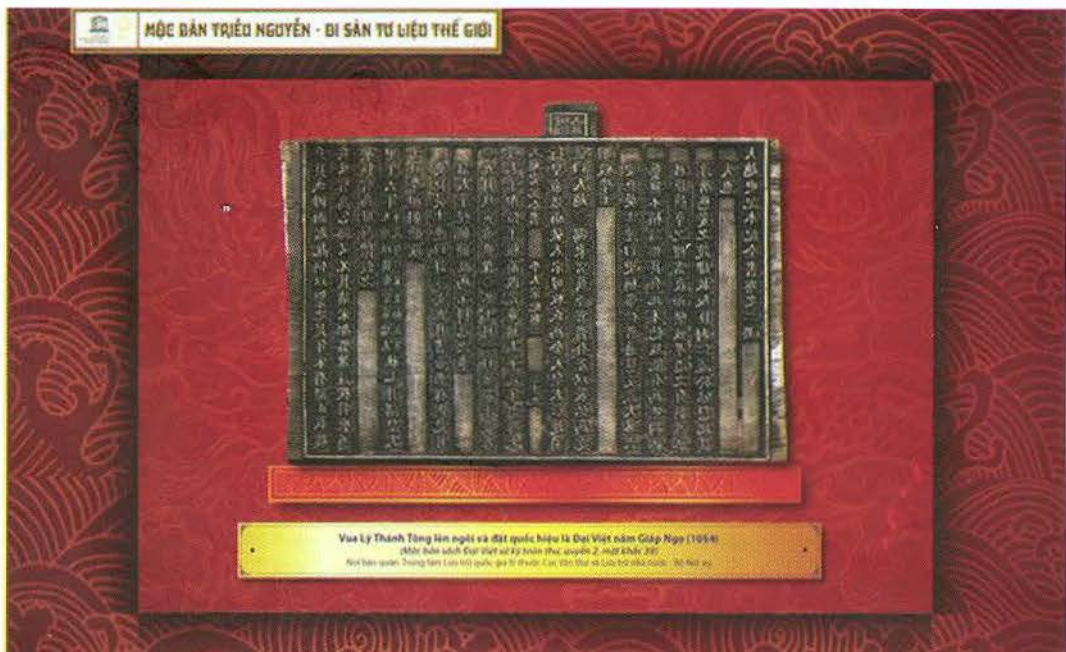
Mộc bản khắc về Chiếu dời đô của Đức Thái Tổ - Lý Công Uẩn năm 1010



đô, há phải các vua thời tam Đại ấy theo ý riêng tự dời đô xằng vạy đâu. Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ Thương Chu, cứ chịu yên đóng đô nơi đây, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp. Trẫm rất đau đớn, không thể không dời. Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?”<sup>16</sup>

Sau khi Chiêu được ban ra, vua tôi nhất trí đồng lòng, bèn quyết dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Mùa thu năm 1010, đoàn thuyền dời đô của nhà vua cập bến thành Đại La. Ngay lúc ấy, theo truyền thuyết, nhà vua nhìn thấy có hình ảnh rồng vàng bay lên, nhân đó đổi tên thành Đại La thành thành Thăng Long “Nhà vua bằng lòng lắm, mới từ Hoa Lư) dời kinh đô đến Đại La thành. Thuyền ngự đến bên thành, có con rồng hiện ra. Nhà vua sai đổi tên là thành Thăng Long. Ở trong thành, khởi công xây dựng cung điện: phía trước là điện Kiến Nguyên, dùng làm chỗ coi châu, hai bên tả, hữu làm điện Tập Hiền và điện Giảng Võ, đều có thềm rồng. Lại mở ba cửa: cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân, cửa Đan Phụng thông với cửa Uy Viễn. Đằng sau điện Kiến Nguyên có điện Long An và điện Long Thụy, làm chỗ nhà vua nghỉ ngơi”<sup>17</sup>

Sau khi đóng đô tại Thăng Long, Lý Công Uẩn đã cho đổi tên cổ đô Hoa Lư thành phủ Tràng An, đổi tên quê hương Cổ



Mộc bản khắc về việc vua Lý Thánh tông lên ngôi và đặt quốc hiệu là Đại Việt năm Giáp Ngọ (1054)



## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Pháp thành phủ Thiên Đức, chia cả nước làm 24 lộ, gọi Hoan Châu và Ái Châu là trại. Có thể nói, dưới thời vua Lý Thái Tổ đất nước rất ổn định, thiên hạ được yên ổn, nhân dân chí thú làm ăn, ngày càng no ấm. Lý Thái Tổ ở ngôi được 19 năm thì băng hà, thọ 55 tuổi.

*“Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, vua băng ở điện Trường Xuân. Thái tử lên ngôi ở trước linh cữu, đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Truy tôn tên thụy cho (Tiên đế) là Đại Hành Hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông, mẹ họ Mai làm Kim Thiên Hoàng Thái hậu. Đặt quốc hiệu là Đại Việt”<sup>18</sup>.*

Đến năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi tên nước thành Đại Việt với mục đích lập danh ngang với nước thiên triều là Đại Tống. Hoài bão ấy được củng cố sau chiến thắng tại phòng tuyến sông Như Nguyệt, với bản tuyên ngôn độc lập bất hủ khẳng

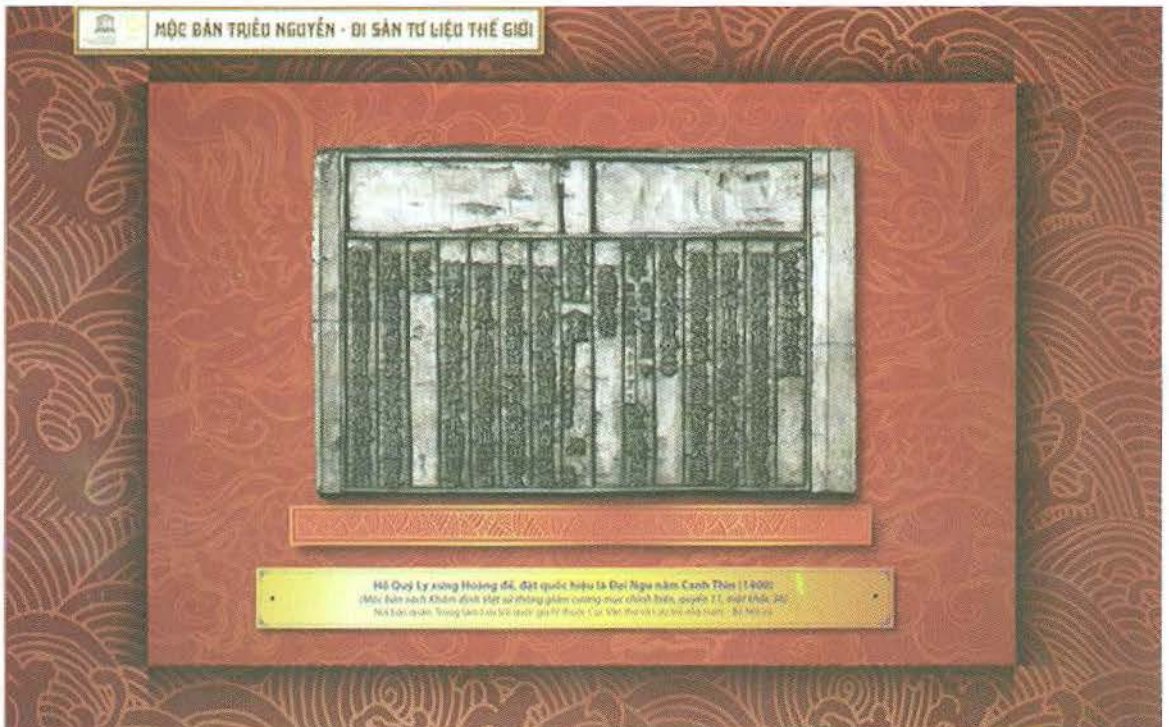
định chủ quyền của dân tộc:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

*Tiết nhiên định phận tại thiên thư...*

Đến thời nhà Trần, Hậu Lê trị vì đất nước vẫn giữ quốc hiệu Đại Việt.

Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, lấy quốc hiệu là Đại Ngu. Với Quốc hiệu Đại Ngu, Hồ Quý Ly thể hiện ước vọng của nhà Hồ về một giang sơn bình yên và rộng lớn, bởi chữ “Ngu” ở đây có nghĩa là sự yên vui, hòa bình. Sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly cho dời đô đến **An Tôn** (Thanh Hóa) *“Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ Thượng thư kiêm Thái sư Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mẫn), đi xem đất và đo đạc động An Tôn, phủ Thanh Hóa, đắp thành, đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất.*



Mộc bản khắc về việc Hồ Quý Ly xưng Hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Ngu năm Canh Thìn (1400)



## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, hành khiển Phạm Cự Luận khuyên nên thôi.

Quý Ly nói: “Ý ta đã định từ trước rồi, người còn nói gì nữa!”

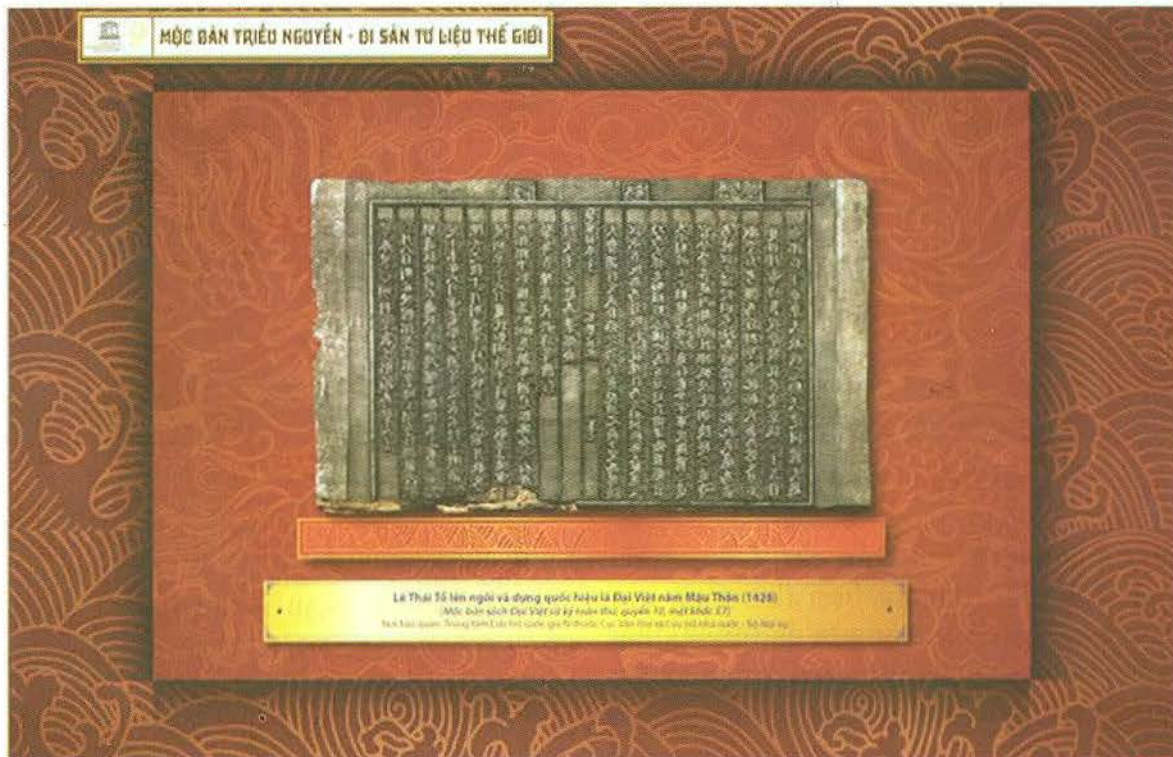
Đến đây thì thực hiện. Lúc ấy, Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói: “Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy đời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ có núi Tản Viên, có sông Lô Nhị, núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc ấy trước: Khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu. Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà...”<sup>19</sup>

Quốc hiệu Đại nư với ước vọng đất nước sẽ bình yên, hòa bình, hạnh phúc, tuy nhiên, sự thịnh vượng mà quốc hiệu này

chỉ tồn tại trong 7 năm ngắn ngủi. Trước cuộc xâm lược của nhà Minh, nhà Hồ đã bị sụp đổ vào năm 1407, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của quốc hiệu Đại Nư.

Sau kháng chiến chống quân Minh giành thắng lợi, năm 1428, Lê Lợi lên ngôi ở điện Kính Thiên, vua đặt niên hiệu là Thuận Thiên, đóng đô ở Đông Quan và lấy lại quốc hiệu cũ là Đại Việt “Mùa hạ, tháng 4, vua từ dinh Bồ Đề về đóng đô ở thành Đông Kinh. Ngày 15, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, dựng quốc hiệu là Đại Việt.”. Vậy là một lần nữa Quốc hiệu Đại Việt lại được đặt tên cho nước ta.<sup>20</sup>

Cuối đời Hậu Lê (1428-1788), vua tôi quá nhu nhược, triều đình suy yếu bị họ Trịnh (Trịnh Kiểm) tiếm quyền tranh giành với họ Nguyễn (Nguyễn Hoàng) gây cảnh Nam Bắc phân tranh. Kịp lúc phong trào Tây Sơn nổi dậy, anh hùng áo vải Nguyễn



Mộc bản khắc về việc Lê Thái Tổ lên ngôi và dựng Quốc hiệu là Đại Việt năm Mậu Thân (1428)



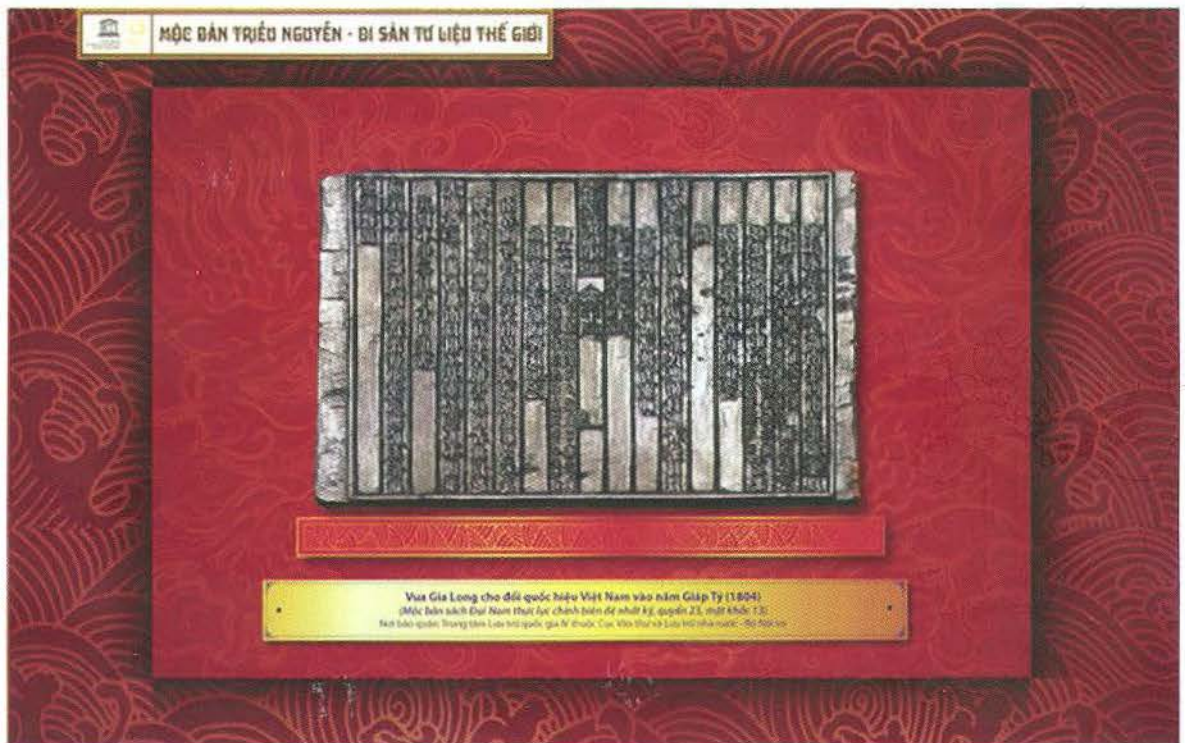
## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Huệ cùng hai anh Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh muốn cho quốc thái dân an nhưng Lê Chiêu Thống ở phía Bắc chạy sang cầu cứu triều đình nhà Thanh gây tội phản quốc “cống rắn cắn gà nhà” giống như Nguyễn Ánh (cháu Nguyễn Hoàng) ở phía Nam cầu viện quân Xiêm về chiếm đóng Gia Định. Anh hùng Nguyễn Huệ vừa chiến đấu quét sạch 30 vạn quân Xiêm rồi sau đó vừa kịp lúc đem quân ra Bắc giải phóng Thăng Long do nhà Thanh đem 20 vạn quân sang chiếm đóng nước ta lần nữa. Năm 1786,

khi Nguyễn Huệ lui quân giữ từ Thăng Hoa - Điện Bàn, trở về Bắc, tự xưng là Bắc Bình Vương, đóng đô ở **Phú Xuân**.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long lập ra nhà Nguyễn. Đến năm 1804, vua Gia Long xuống chiếu cho đổi quốc hiệu là **Việt Nam**. Có thể nói dưới triều Nguyễn, Việt Nam được coi là quốc hiệu của nước ta, dù trong quá trình tồn tại năm 1838, vua Minh Mạng đổi thành Đại Nam.

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai



*Mộc bản khắc về việc vua Gia Long cho đổi Quốc hiệu Việt Nam vào năm Giáp Tý (1804)*

sinh nước **Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**. Ngày 2/7/1976, tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI, Đảng ta đã quyết định đổi tên nước thành **Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**, thủ đô là **Hà Nội**.

Qua hàng ngàn năm lịch sử, đất nước ta có nhiều tên gọi khác nhau như: Văn

Lang thời Hùng Vương, Âu Lạc thời An Dương Vương, Vạn Xuân thời Tiền Lý, Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê, Đại Việt thời Lý - Trần - Lê, Đại Ngu thời nhà Hồ, Việt Nam thời Nguyễn

*(Xem tiếp trang 78)*



+ Chương 2: Chiến dịch mùa thu năm 1953.

+ Chương 3: Bản Kéo, Him Lam, Độc Lập và một số căn cứ khác.

+ Chương 4: “Đó là vì ngày mai” (Ivan Cadeau sử dụng tuyên bố của De Castries trước Bộ Chỉ huy tham mưu Pháp về chiến dịch Điện Biên Phủ).

+ Chương 5: Khủng hoảng tinh thần.

+ Chương 6: Trận chiến trên năm quả đồi.

+ Chương 7: “Tạm biệt ông bạn già”

(Ivan Cadeau sử dụng lời nói của Cogny trong cuộc điện đài với De Castrie vài giờ trước khi Điện Biên Phủ thất thủ).

Ngoài ra, phần phụ lục của cuốn sách còn thống kê quân số Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ ngày 20/11/1953, số đạn được của các đơn vị quân đội Pháp tham gia chiến dịch ngày 10/02/1954, quân số các đơn vị quân đội Pháp tham gia chiến dịch ngày 12/3/1954./.

## QUỐC HIỆU VÀ KINH ĐÔ ...

(Tiếp theo trang 58)

Việt Nam, cái tên gọi quen thuộc đã ăn sâu trong tiềm thức, vào máu thịt của mỗi người dân đất Việt hôm nay và hậu thế mai sau.

Nhớ về quốc hiệu để thế hệ trẻ hôm nay luôn nhớ “Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt nam”. Từ đó, có thể khẳng định giá trị lịch sử vô giá nằm trong khối Mộc bản triều Nguyễn – Di sản tư liệu thế giới, để thấy được giá trị của tài liệu lưu trữ luôn góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hôm nay, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định ngay từ năm 1946: ... “Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt trong công cuộc kiến thiết quốc gia”.

**Chú thích:**

16. **Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ năm Canh Tuất (1010).** Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 2, mặt khắc 2, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

17. **Vua Lý Thái Tổ cho đổi tên thành Đại La mang tên Thăng Long, năm Canh Tuất (1010)** Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên, quyển 2, mặt khắc 10, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Bộ Nội vụ

18. **Vua Lý Thánh Tông lên ngôi và đặt quốc hiệu là Đại Việt năm Giáp Ngọ (1054)**

Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 2, mặt khắc 39, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

19. **Hồ Quý Ly cho dời Kinh đô đến An Tôn năm Đinh Sửu (1397),** Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 8, mặt khắc 28, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Bộ Nội vụ

20. **Lê Thái Tổ lên ngôi và dựng quốc hiệu là Đại Việt năm Mậu Thân (1428),** Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 10, mặt khắc 57, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ